

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2019/HNGĐ-ST.

Ngày: 07-3-2019.

V/v “Tranh chấp HNGĐ - Ly hôn,
nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hữu Hà;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Phước Tâm;
2. Bà Hồ Thị Mai Hương;

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Hồng Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 07 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 42/2019/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 01 năm 2019 về việc: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Nguyễn Văn V**, sinh năm 1983;

Địa chỉ: ấp 4, xã Ba S, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp;

Chỗ ở hiện nay: ấp 4, xã Hưng T, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: **Ngô Thanh T**; sinh năm 1977;

Địa chỉ: ấp 4, xã Ba S, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

(Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13/12/2018; biên bản hòa giải ngày 26/02/2019 anh Nguyễn Văn V là nguyên đơn trình bày:

- Về hôn nhân: Anh V và chị T kết hôn năm 2005, không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc. Từ năm 2005, vợ chồng bất đồng quan điểm sống dẫn đến hôn nhân không còn hạnh phúc và anh Việt, chị Tuyền đã ly thân nhau từ năm 2005 đến nay. Trong thời gian ly thân, anh V và chị T không ai có ý định hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Nhận thấy hôn nhân không còn hạnh phúc nên anh V yêu cầu được ly hôn với chị Ngô Thanh T.

- Về con chung: Anh V, chị T có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 20/7/2006. Hiện nay, con chung đang sống với chị T. Khi ly hôn, anh V đồng ý để chị T được nuôi dưỡng con chung, anh V đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng, mỗi tháng với số tiền 1.000.000 đồng đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ ai và cũng không cho ai nợ.

Tại biên bản hòa giải ngày 26/02/2019, chị Ngô Thanh T là bị đơn trình bày:

- Về hôn nhân: Chị T thừa nhận lời trình bày của anh V về việc hai người kết hôn năm 2005, không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống, vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn và bất đồng quan điểm sống như lời trình bày của anh V là có thật. Chị T, anh V đã ly thân với nhau từ năm 2005 đến nay. Sau khi ly thân, anh V và chị T không ai có ý định hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay, anh V yêu cầu xin ly hôn, chị T đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh V.

- Về con chung: Chị T và anh V có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 20/7/2006. Hiện nay, con chung đang sống với chị T. Khi ly hôn, chị T đồng ý nuôi dưỡng con chung và đồng ý để anh V cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng, mỗi tháng với số tiền 1.000.000 đồng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chị T đồng ý để cho anh V được thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

- Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ ai và cũng không cho ai nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng:

Anh Nguyễn Văn V có đơn yêu cầu ly hôn với chị Ngô Thanh T. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là “*Tranh chấp hôn nhân gia đình - Ly hôn, nuôi con*”.

Chị Ngô Thanh T là bị đơn trong vụ kiện có địa chỉ: Ấp 4, xã Ba S, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Anh Nguyễn Văn V và chị Ngô Thanh T đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh V và chị T là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

2. Về nội dung vụ án:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Anh V và chị T thừa nhận chung sống vào năm 2005 và không có đăng ký kết hôn. Xét thấy, anh V và chị T có đầy đủ điều kiện kết hôn theo quy định pháp luật, đã chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2005 nhưng đến nay vẫn không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng. Nay, đời sống chung giữa anh V và chị T phát sinh mâu thuẫn, anh V yêu cầu ly hôn. Chị T đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh V. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử không công nhận anh V chị T là vợ chồng.

- **Về con chung:** Trong thời gian chung sống anh V, chị T có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 20/7/2006. Hiện nay, con chung đang sống với chị T. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được nuôi con chung, anh V đồng ý để con chung cho chị T nuôi dưỡng. Anh V đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng, mỗi tháng với số tiền 1.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Tại văn bản ý kiến ngày 26/02/2019 con chung Nguyễn Hoàng H có nguyện vọng được sống chung với chị T. Xét thấy việc thỏa thuận giữa anh V chị T là tự nguyện và phù hợp theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận. Giao con chung tên Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 20/7/2006 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng. Anh V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng, mỗi tháng số tiền 1.000.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 3/2019 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Anh V có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- **Về tài sản chung:** Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về nợ chung:** Vợ chồng không có nợ ai và cũng không cho ai nợ.

- **Về án phí:** Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, anh V phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà anh V đã nộp theo biên lai số 0006170 ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Anh V còn phải tiếp tục nộp số tiền án phí là 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Văn V.

1. Về hôn nhân: Không công nhận anh Nguyễn Văn V và chị Ngô Thanh T là vợ chồng.

2. Về con chung: Chị Ngô Thanh T được quyền nuôi con chung tên Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 20/7/2006. Anh V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng, mỗi tháng với số tiền 1.000.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 3/2019 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Anh V có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ ai và cũng không cho ai nợ.

5. Về án phí: Anh Nguyễn Văn V phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà anh V đã nộp theo biên lai số 0006170 ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Anh V còn phải nộp tiếp số tiền án phí là 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS HCL;
- Tòa án Tỉnh;
- Lưu: HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hữu Hà